

Bản án số: 301/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11/4/2023

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Quang Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Quý

2. Bà Nguyễn Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1157/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Hồng Y, sinh năm 1980; Địa chỉ: 3 Đ, Phường F, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: 1, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Hoàng P, sinh năm 1980; Địa chỉ: 3 Đ, Phường F, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21 tháng 11 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Bùi Thị Hồng Y trình bày:

Bà Y và ông Trần Hoàng P tự nguyện tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 01/2003 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/01/2003.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau tại nhà ba mẹ chồng, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do ông P có tính gia trưởng và có hành vi không phù hợp với con gái là cháu N. Trong gia đình, ông P luôn làm theo ý mình, không bao giờ tôn trọng ý kiến của vợ, con; khiến vợ, con cảm thấy ngột ngạt. Khi cháu N học lớp 6, lớp 7, cháu từng nói về việc ông P sờ vào vùng kín của cháu, sau đó bà nghĩ không có vấn đề gì, chỉ là hiểu lầm nên có nhắc nhở ông P, đến gần đây cháu lại tiếp tục nói ông P có hành vi sờ vào vùng kín của cháu suốt nhiều năm nay, bà Y hỏi thì ông P không thừa nhận, bà Y đã nộp đơn đến Công an P1, quận T nhưng không có chứng cứ nên Công an chỉ cho hai bên cam kết rồi về, hiện cháu N

có dấu hiệu bị trầm cảm nên bà Y cảm thấy rất đau lòng. Bà cũng đã dọn đi nơi khác sinh sống từ tháng 11/2022 đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn không thể giải quyết, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà Y yêu cầu được ly hôn với ông Trần Hoàng P để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà Y khai có 02 con chung tên Trần Hoàng Kim N1 - sinh ngày 24/12/2003 - đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Trần Hoàng Bảo M – sinh ngày 21/3/2007. Ly hôn, cháu M có nguyện vọng ở với ba nên bà Y tôn trọng sự lựa chọn của cháu M, bà sẽ giao cháu M cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng và mức cấp dưỡng nuôi con sẽ do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Y khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Y khai không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án và bản tự khai, bị đơn – ông Trần Hoàng P trình bày:

Quá trình kết hôn và chung sống đúng như bà Y trình bày. Bà Y yêu cầu ly hôn mà không nói trước gì với ông. Theo ông P, giữa vợ chồng không hề có mâu thuẫn dù là mâu thuẫn nhỏ nhất. Về vấn đề bà Y cho rằng những quyết định, la mắng của ông là gia trưởng thì ông sẽ sửa đổi. Về vấn đề cháu N1, khi cháu N1 học lớp 6, lớp 7, khi ngủ ông có vô tình để tay lên đùi cháu, bà Y có nhắc nhở thì ông rút kinh nghiệm vì nghĩ không có vấn đề gì. Nay cháu N1 và bà Y tố cáo ông về hành vi chạm vào vùng kín của cháu N1 đến Công an P1, quận T, ông khẳng định không có thực hiện hành vi sai trái này và Công an đã kết luận ông không có tội. Còn về nguyên nhân tại sao con gái lại nói ông như vậy thì ông cho rằng có lẽ do ông la mắng cháu nhiều lần nên cháu mới nói như vậy. Từ ngày vợ con chuyển nhà đi, ông mong muốn được gặp nói chuyện với con gái để làm ra lẽ nhưng bà Y không cho ông gặp cháu N1, nhắn tin, gọi điện đều không trả lời. Bà Y kiên quyết ly hôn, tố cáo ông nên ông cũng không trông mong vào việc hàn gắn gia đình, bà Y kiên quyết ly hôn thì ông cũng phải chịu. Tuy nhiên, do ông theo đạo Công giáo nên không thể đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông P khai có 02 con chung tên Trần Hoàng Kim N1 - sinh ngày 24/12/2003 - đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Trần Hoàng Bảo M – sinh ngày 21/3/2007. Ly hôn, cháu M có nguyện vọng ở với ba nên ông P đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng trẻ M và mức cấp dưỡng nuôi con sẽ do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông P khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông P khai không có.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn - bà Y vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông P. Con chung: bà sẽ giao cháu M cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng và bà Y không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận. Nợ chung: Không có.

Bị đơn - ông P trình bày: Ông giữ nguyên ý kiến đã trình bày. Bà Y kiên quyết ly hôn nên ông cũng không trông mong vào việc hàn gắn gia đình. Tuy nhiên, do ông theo đạo Công giáo nên không thể đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy

định của pháp luật. Con chung: ông P đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng trẻ M và không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận. Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:

Bà Bùi Thị Hồng Y nộp đơn xin ly hôn ông Trần Hoàng P, đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Địa chỉ cư trú của bị đơn ông Trần Hoàng P tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý vụ án đúng thẩm quyền theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyền số 01/2003 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/01/2003 thì quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo bà Y trình bày quá trình chung sống giữa bà Y và ông P có mâu thuẫn xảy ra, ông P có tính gia trưởng, luôn làm theo ý mình, không tôn trọng ý kiến của vợ con và ông P có hành vi không chuẩn mực với con gái khiến cháu có dấu hiệu bị trầm cảm nên bà kiên quyết yêu cầu ly hôn. Mặc dù ông P trình bày vợ chồng không có mâu thuẫn, bà Y cho rằng ông gia trưởng thì ông sẽ khắc phục, tuy nhiên, bà Y đã dọn ra khỏi nhà sinh sống nơi khác và ông P cũng không có phương án nào để hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Nay bà Y kiên quyết ly hôn thì ông cũng chấp nhận nhưng vì lý do tôn giáo nên ông không thể có ý kiến đồng ý ly hôn. Như vậy, cuộc sống vợ chồng của bà Y và ông P không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Y.

[2.2] Về con chung: Bà Y và ông P khai có 02 con chung tên Trần Hoàng Kim N1 - sinh ngày 24/12/2003 (đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết) và Trần Hoàng Bảo M – sinh ngày 21/3/2007. Theo nguyện vọng của cháu M muốn ở với ông P, bà Y và ông P đều đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung Trần Hoàng Bảo M cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Do ông P xác định không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi cháu M, bà Y thống nhất không cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Y và ông P xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu ông P, bà Y có yêu cầu giải quyết thì sẽ được xem xét ở một vụ án khác.

[2.4] Về nợ chung: Bà Y và ông P xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí*: Án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng do bà Y chịu toàn bộ và được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Hồng Y:

- *Về hôn nhân*: Bà Bùi Thị Hồng Y được ly hôn với ông Trần Hoàng P.

- *Về con chung*: có 02 con chung tên Trần Hoàng Kim N1 - sinh ngày 24/12/2003 (đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết) và Trần Hoàng Bảo M – sinh ngày 21/3/2007. Giao con chung tên Trần Hoàng Bảo M cho ông Trần Hoàng P trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà Bùi Thị Hồng Y do ông P không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Bà Y được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ông P và gia đình không được cản trở bà Y trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Hai bên khai không có.

2. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm bà Bùi Thị Hồng Y phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án bà Y đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0032560 ngày 14/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Bà Y đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình ;
- UBND P.15, Q.11, TPHCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Quang Vũ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

